TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2019
V/*v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Bích

2.Ông Trần Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 06/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXX-ST ngày 03/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/ QĐ-ST ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đài Loan không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Hoàng Văn T tại Việt Nam: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 13/8/2019 nguyên

đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình anh. Ban đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì anh T đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu thì anh T vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm sức khỏe vợ con, đến năm 2018 thì có quen hệ với một người đàn bà khác và thường xuyên cãi vã với chị khi gọi điện về, chị và gia đình cũng đã khuyên anh T nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay đời sống chung của vợ chồng chị không thể hoà hợp được, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

*Về con chung***:** Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh năm 2017. Ly hôn chị đề nghị giao con chung là cháu Hoàng Gia H cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng. Về phí tổn nuôi con chị không đề nghị giải quyết.

*Về tài sản, công nợ***:** Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H còn trình bày: Hiện nay anh T vẫn ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi địa chỉ của anh T nhưng anh T không cung địa chỉ ở Đài Loan cho chị, anh T vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ anh T là ông Hoàng Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971 trú tại: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang cố tình giấu địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Hoàng Văn T.

Bị đơn anh Hoàng Văn T hiện đang lao động tại Đài Loan không có bản tự khai, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 14/8/2019 và ngày 26/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T là bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971, trú tại: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà S thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn T; yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho tòa án; yêu cầu bà Sang cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà Sang vẫn giữ nguyên quan điểm là anh T ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh T, đồng thời bà cũng không thực hiện theo

yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết để anh gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh T gửi về.

Bà Nguyễn Thị S là bà nội của cháu Hoàng Gia H trình bày: Bà là bà nội của cháu Hoàng Gia H, hiện nay cháu H đang ở cùng ông bà, cháu đang đi học mẫu giáo và phát triển bình thường, con trai bà là anh Hoàng Văn T vẫn thường xuyên gửi tiền về cho cháu và gia đình để nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Hoàng Văn T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị S và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh T là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51; điều 53; điều 56, 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 06/02/2017 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra, chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị S để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà Sang thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn T; Yêu cầu anh T viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà S cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan. Bà Nguyễn Thị S trình bày: Anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà Sang vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn T theo thủ tục chung.

[2].**Về thẩm quyền**: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn T, anh T hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 12421/QLXNC- P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 01/8/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an), thì anh T xuất cảnh ngày 14/02/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam là: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3].**Về quan hệ Hôn nhân**: Chị H và anh T kết hôn năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Đến năm 2017 thì anh T đi lao động tại Đài Loan thời gian đầu thì anh T còn thường xuyên liên lạc về cho chị, đến đầu năm 2018 thì anh T có quan hệ với người đàn bà khác, chị và gia đình có khuyên bảo anh T nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng căng thẳng và chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị sống đã được một năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Hoàng Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống với nhau hạnh

phúc, đến năm 2017 thì anh T đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị H và anh T không ai quan tâm đến ai, anh T chủ động bảo chị H làm đơn xin ly hôn anh. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh T .

[4]. **Về con chung**: Chị H và anh T có 1 con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2017. Ly hôn chị H đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H về nuôi con chung, chị H đề nghị giao con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 06/02/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu H đang ở cùng anh T và ông bà nội là bố đẻ mẹ đẻ của anh T, cháu H được ông bà nội chăm sóc phát triển bình thường. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của chị H là phù hợp và cũng đảm bảo ổn định tâm lý cũng như chỗ ở của cháu H. Mặt khác cháu H được anh T và ông bà nội quan tâm chăm sóc. Nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 06/02/2017 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do không có đương sự nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản, công nợ: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238;

Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2.Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 06/02/2017. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/001035 ngày 13/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Hoàng Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Bảo Đài, Lục Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền